

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 02 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Phan Ngọc Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thế Phương T**, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Khóm 2, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ông Nguyễn Thế Phương T trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: ông T và bà T sống chung từ năm 2005, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G (nay là phường 1) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03 tháng 06 năm 2013. Ly thân từ năm 2015 đến nay, lý do: vợ chồng cự cãi nhau do mâu thuẫn gia đình và bà T tự ý bỏ về bên

nhà mẹ ruột của mình sống thuộc Khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà T.

+ Việc nuôi con: Ông T và bà T có hai người con chung gồm: Nguyễn Thị Cẩm Phương N, sinh ngày 30 tháng 08 năm 2005 và Nguyễn Thế Phương D, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2008. Hiện các cháu đang sống với ông T, ông T yêu cầu nuôi và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

+ Chia tài sản: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn bà Phan Thị T trình bày:** Tòa án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T không có mặt nên không thể lấy lời khai.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, riêng bà Phan Thị T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại Điều 70, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà T

+ Về quan hệ con: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm Phương N và cháu Nguyễn Thế Phương D cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Do ông T không yêu cầu nên không đặt ra.

+ Về tài sản: Không có nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn ông T vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó việc xét xử vắng mặt của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Do bà Phan Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên căn cứ vào lời khai của ông T để giải quyết. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của ông T đã chứng minh được, ông T và bà T ly thân từ năm 2015 đến nay. Lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhiều lần và bà T bỏ về nhà mẹ ruột ở từ năm 2015 đến nay. Ngoài ra, bà T không đến Tòa án để hòa giải, điều đó đã thể hiện ý chí của bà T không có thiện chí hàn gắn và duy trì mối quan hệ hôn nhân, còn ông T thì cương quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của ông T được ly hôn với bà Tiền.

[3]. Việc nuôi con:

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

- Xét thấy từ khi ly thân cho đến nay ông T là người trực tiếp nuôi con và hai cháu có nguyện vọng sống chung với ông T nên việc giao cháu N và cháu D cho ông T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do ông T không yêu cầu cấp dưỡng (mặc dù đã giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Chia tài sản: Do Ông Nguyễn Thế Phương T cho rằng không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thế Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012602 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Bà Phan Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Ông Nguyễn Thế Phương T và bà Phan Thị T.

2. Việc nuôi con:

- Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm Phương N, sinh ngày 30 tháng 08 năm 2005 và cháu Nguyễn Thế Phương D, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2008 cho ông T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Bà Phan Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do Nguyễn Thế Phương T không yêu cầu cấp dưỡng (mặc dù đã giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Chia tài sản: Do Ông Nguyễn Thế Phương T cho rằng không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thế Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012602 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Bà Phan Thị T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn